

CHƯƠNG 17

Bài Đọc Thêm

Bài 17-2

VÀI NÉT VỀ TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO CỦA VUA TRẦN THÁI TÔNG

*(Nhân đi thăm đền Thái Vi ở Hoa Lư
nơi vua Trần Thái Tông tu hành)*

Phần 172-2

THIỆN TÔNG CHỈ NAM



Về tới nhà, chúng tôi vội vàng thay quần áo để chuẩn bị ăn sáng. Uyên luôn tỏ ra nhanh nhẹn trong việc bếp núc. Chỉ một thoáng chúng tôi đã có sẵn sàng một bữa cơm ngon. Nói là ăn sáng, nhưng đúng ra, với những món ăn được đặt trên bàn phải được gọi là bữa ăn trưa mới đúng.

Sau phần dọn dẹp khi ăn xong, cả ba chúng tôi lại có dịp ngồi cùng nhau trò chuyện bên đĩa mít. Thi đang loay hoay đun nước pha trà. Tôi biết, như đã hứa với Uyên, bốn phần của tôi bây giờ là phải nói cho Uyên nghe về bài tựa “Thiền Tông Chỉ Nam” của vua Trần Thái Tông, vị vua đầu tiên của nhà Trần.

Tôi đưa cho Uyên đọc sơ qua “bài tựa” đó. Tôi không quên nhắc nàng là toàn bộ quyển “Thiền Tông Chỉ Nam” đã bị thất lạc, nay chỉ còn giữ lại được “bài tựa” này mà thôi.

BÀI TỰA THIỀN TÔNG CHỈ NAM⁽¹⁾

Trẫm thâm nghĩ: Phật không có Nam Bắc, mọi người đều có thể tu cầu. Tánh có trí ngu, đồng sẵn giác ngộ. Vì vậy, phương tiện dẫn dụ đám người mê, để sáng tỏ đường tắt sanh tử, là kinh điển của đức Phật. Đặt mực thước cho đời, làm mô phạm cho người sau, là trọng trách của các bậc Thánh trước (Tổ). Cho nên Lục Tổ nói: "Những bậc Thánh trước (Tổ) cùng Đại sư (Phật) không khác". Nên biết giáo pháp của Phật nhờ các bậc Thánh trước truyền bá

(¹) Bản dịch của Hòa thượng Thích Thanh Từ.

ở đời. Nay trăm đâu không thể lấy trách nhiệm các bậc Thánh trước làm trách nhiệm của mình, giáo pháp của Phật làm giáo pháp của mình.

Vả lại, thuở trăm còn niên thiếu, có chút ít hiểu biết vừa nghe lời dạy của Thiền sư thì tâm tư lóng lặng, bỗng dưng thanh tịnh, nên để tâm nơi nội giáo, tham cứu Thiền tông, dốc lòng tìm thầy, chí thành mộ đạo. Tuy ý nói hồi hướng đã nảy mầm, mà cơ cảm xúc chưa thấu suốt.

Năm mười sáu tuổi, Thái Hậu đã chán cõi đời, trăm nằm rơm gói đất, khóc ra máu mắt, đau đớn nát lòng; ngoài nỗi đau buồn này, đâu rảnh nghĩ việc khác. Chỉ vài năm sau, Thái Tổ Hoàng Đế cũng băng hà, lòng thương mẹ chưa nguôi, nỗi xót cha càng thống thiết, buồn thảm tràn trề khó bề dẹp được. Trăm nghĩ: Công cha mẹ đối với con, nuôi nấng vỗ về không thiếu điều gì, dù con phải xương tan, thịt nát vẫn chưa đủ đền đáp trong muôn một. Huống nữa, Thái Tổ Hoàng đế khai cơ lập nghiệp rất đời gian nan, trị nước giúp đời càng thêm hệ trọng. Người đem đất nước giao cho ta khi còn thơ ấu, khiến ta ngày đêm canh cánh không chút thanh thoi. Ta lòng riêng tự bảo: trên đã không cha mẹ để nương tựa, dưới ngại chẳng xứng lòng dân mong đợi. Phải làm sao đây? Ta suy đi nghĩ lại: chi bằng lui về ở chốn núi rừng, tìm học Phật pháp để hiểu rõ việc lớn sanh tử, lấy đó đền đáp công ơn cha mẹ, chẳng hơn hay sao? Thế là chí trăm đã quyết định.

Đêm mừng ba tháng tư năm Bình Thân, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ năm (1242), trăm đôi y phục đi ra khỏi cửa cung bảo tả hữu rằng: "Trăm muốn đi dạo để ngẫm nghe lời dân, biết được chí dân, mới hiểu thấu nỗi khó khăn của họ". Bảy giờ tả hữu theo trăm không quá bảy, tám người. Giờ Hợi đêm ấy, trăm cười một ngựa lặng lẽ ra đi; sang sông thẳng về hướng đông, mới nói thực lòng cho tả hữu biết. Tả hữu ngạc nhiên, tất cả đều khóc. Giờ mẹo hôm sau, đến bến đò Đại Than bên núi Phả Lại, sợ có người biết, trăm lấy áo che mặt qua sông, đi tắt theo đường núi. Đến tối vào nghỉ chùa Tăng Giác Hạnh, đợi sáng lại đi. Leo trèo lặn lội, núi hiểm suối sâu, ngựa mỏi mệt không thể tiến lên được; trăm bèn bỏ ngựa vin vách đá lần bước, đến giờ mùi mới tới sườn núi Yên Tử. Sáng hôm sau, trăm trèo thẳng lên đỉnh núi, tham kiến vị đại Sa môn Quốc sư Trúc Lâm. Quốc sư vừa thấy trăm mừng rỡ, ung dung bảo:

"Lão tăng ở lâu nơi sơn dã, xương cứng mặt gầy, ăn rau đắng cắn hạt dẻ, uống nước suối, dạo cảnh rừng, lòng như mây nổi theo gió đến đây. Nay Bệ hạ bỏ ngôi nhân chủ, nghĩ đến nơi quê hèn rừng núi, chẳng hay Bệ hạ mong cầu điều gì mà đến đây".

Trăm nghe nói, hai hàng nước mắt tự trào, đáp lại Sư rằng: "Trăm còn thơ ấu vội mất hai thân, bơ vơ đứng trên sĩ dân không chỗ nương tựa. Lại nghĩ sự nghiệp các bậc đế vương đời trước, thịnh suy

không thường, cho nên trầm đến núi này chỉ cầu làm Phật, chứ không cầu gì khác".

Sư bảo: "Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm lặng mà biết, gọi là chơn Phật. Nay Bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc tìm cầu bên ngoài".

Bấy giờ ông chú Trần Công, người em họ mà Tiên quân gởi gắm đứa con cô. Sau khi Tiên quân bỏ thế gian và quần thần, trầm phong làm Thái sư tham dự quốc chính. Nghe tin trầm trốn đi, ông liền sai tả hữu đi mọi nơi dò tìm tung tích rồi cùng người trong nước lên đến núi này.

Gặp trầm, ông thống thiết nói: "Thần nhận sự ủy thác của Tiên quân, tôn Bệ hạ làm chúa thần dân. Lòng dân trông đợi Bệ hạ như con nhỏ mong đợi cha mẹ. Huống nữa, ngày nay các cố lão trong triều đều là bề tôi thân thuộc, dân chúng sĩ thứ ai cũng vui vẻ phục tùng. Cho đến đứa bé lên bảy cũng biết Bệ hạ là cha mẹ dân. Vả Thái Tổ bỏ thân mà đi, nắm đất trên mồ chưa khô, lời dặn dò còn văng bên tai. Nay Bệ hạ trốn lánh vào núi rừng, ẩn cư để mong thỏa chí mình. Như thần nghĩ, Bệ hạ tính kế tự tu thì có thể được, còn quốc gia xã tắc thì sao? Chỉ để lời dạy suông cho đời, chi bằng đem thân mình làm gương trước cho thiên hạ. Bệ hạ nếu không nghĩ lại, chúng thần cùng người trong thiên hạ đồng chết ngay hôm nay, quyết chí không trở về".

Trẫm thấy Thái sư cùng các cố lão quần thần không có ý bỏ trẫm, liền đem lời bày tỏ với Quốc sư. Quốc sư cầm tay trẫm bảo: "Phàm làm đấng nhân quân, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón Bệ hạ trở về, Bệ hạ không về sao được. Song phần nghiên cứu nội điển, mong Bệ hạ đừng xao lãng".

Vì thế, trẫm cùng mọi người trở về Kinh, miễn cưỡng lên ngôi. Khoảng hơn mười năm, những khi được rảnh rỗi, trẫm họp các vị kỳ đức để tham cứu thiên, hỏi đạo và các kinh Đại thừa... đều nghiên cứu qua. Trẫm thường đọc kinh Kim Cang đến câu: "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", trong khoảng để quỳ xuống ngâm nga, bỗng nhiên tự ngộ. Liền đem sở ngộ này viết thành bài ca, để tên là "Thiên Tông Chỉ Nam". Năm này, Quốc sư từ núi Yên Tử về kinh, trẫm mời ở chùa Thắng Nghiêm, trông coi việc ấn bản các kinh. Trẫm đem tập sách này trình Sư, Sư xem qua liền tán thán rằng: "Tâm chư Phật ở trọn nơi đây, sao không nhân khắc in các kinh, khắc in luôn để dạy kẻ hậu học".

Trẫm nghe lời này, sai thợ viết chữ chân phương, ra lệnh khắc bản in. Chẳng những để chỉ đường mê cho hậu thế, mà còn muốn tiếp nối công lớn các bậc Thánh nhơn đời trước. Vì thế tự làm lời tựa này.

Sau khi chúng tôi cùng đọc bài tựa này, tôi tóm tắt và nêu lên vài ý chính cho Uyên thấy, để rộng đường thảo luận sau này

- Mở đầu bài văn, ngài khẳng định *Phật không có Nam Bắc, mọi người đều có thể tu cầu*. Tánh có trí ngu, đồng sẵn giác ngộ và ngài sẽ theo chân các Thánh để góp công vào sự truyền bá giáo pháp của đạo Phật.

- Từ thuở niên thiếu (11, 12 tuổi), ngài đã nghe qua về đạo Phật và đem lòng yêu thích. Tuy là vua (lên ngôi lúc 8 hay 9 tuổi) nhưng ngài vẫn phát tâm tìm học Phật pháp, *tìm hiểu Thiền tông*.

- Năm 16 tuổi, ngài mất mẹ; hai năm sau, ngài mất cha. Nỗi thống khổ của ngài đến cùng cực. Bên cạnh đó, ngài lại phải gánh vác trọng trách của ông vua một nước mà cha ngài và cả dòng họ đã vất vả trăm phần mới gây dựng lên được. Ngài phân vân trong việc chọn lựa giữa trách nhiệm với quốc dân, sự đền ơn cha mẹ hay bỏ đi tu. Cuối cùng ngài chọn con đường thứ hai là vào rừng núi tu mới mong đền đáp công ơn sinh dưỡng của song thân.

- Ta thấy ngài đã không kể hay đả động gì tới sự bất mãn, tủi nhục khi phải bỏ vợ mình là Chiêu Thánh để cưới chị dâu - tức vợ của Trần Liễu - là công chúa Thuận Thiên làm vợ dưới áp lực của ông chú ruột là Trần Thủ Độ. Khi Quốc sư hỏi tại sao tới đây, ngài trào nước mắt mà không thổ lộ ra được.

- Ngài tả lại về cuộc hành trình vất vả khi bỏ kinh thành để trốn vào vùng núi rừng hoang vu Yên Tử.

- Ngài kể lại về cuộc đối thoại của ngài với Quốc sư Trúc Lâm. Cuộc đối thoại rất quan trọng đối với vua Trần Thái Tông trong việc tu học sau này. Thiền sư hỏi *“Nay Bệ hạ bỏ ngôi nhân chủ, nghĩ đến nơi quê hèn rừng núi, chẳng hay Bệ hạ mong cầu điều gì mà đến đây”*. Vua trả lời *“trẫm đến núi này chỉ cầu làm Phật, chớ không cầu gì khác”*. Sư bảo: *“Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm lặng mà biết, gọi là chơn Phật. Nay Bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc tìm cầu bên ngoài”*.

- Vua kể về sự thuyết phục của Trần Thủ Độ để ngài phải trở lại triều đình. Câu cuối cùng Trần Thủ Độ dùng như một tội hậu thư để vua không thể không về *“Bệ hạ nếu không nghĩ lại, chúng thần cùng người trong thiên hạ đồng chết ngay hôm nay, quyết chí không trở về”*. Lúc này Quốc sư mới bảo *“Phàm làm đấng nhân quân, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón Bệ hạ trở về, Bệ hạ không về sao được. Song phần nghiên cứu nội điển, mong Bệ hạ đừng xao lãng”*.

- Trong khi trị nước, ngài không ngừng nghiên cứu đạo Phật. Ngài được chứng ngộ và công hiến sự ra đời của cuốn *“Thiền Tông Chỉ Nam”*. *“Trẫm thường đọc kinh Kim Cang đến câu: “Ứng vô sở trụ*

*nhì sanh kỳ tâm", trong khoảng để quyển xuống
ngâm nga, bỗng nhiên tự ngộ. Liền đem sở ngộ này
viết thành bài ca, để tên là "Thiền Tông Chỉ Nam"*



Uyên và Thi ngồi nghe tôi nói một cách chăm chú. Tôi nhìn thẳng vào mắt Uyên như để nhắc nàng nghe cho kỹ những điều tôi sắp nói thêm:

- Cứ dựa theo bài “tựa” trên ta có thể nhận ra được một vài điểm tương đồng của ngài Trần Thái Tông với ngài Lục Tổ Huệ Năng, vị Tổ thứ sáu trong “Kinh Bảo Đàn” của Thiền Tông Trung Hoa⁽²⁾:

(²) Trích kinh Bảo Đàn :

*Thân phụ của Huệ Năng quê ở Phạm Dương bị giáng đầy ra
Lãnh Nam làm thường dân ở Tân Châu. Cha ngài lại mất sớm, mẹ
góa con cô dãi đến Nam Hải. Cuộc sống của mẹ con ngài gian
nan nghèo khổ, thường ra chợ bán củi. Một hôm có người mua
củi. Ngài gánh củi đến khách điểm, khách nhận củi xong, Huệ
Năng lãnh tiền, lui ra, thấy một người khách tụng kinh. (Xem tiếp
trang sau)*

1- Cùng nói *Phật không có Nam Bắc*, mọi người đều có thể tu cầu thành Phật.

2- Cùng *cầu thành Phật* chứ không cầu gì khác.

Đến câu "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", Huệ Năng nghe lời kinh, tâm liền khai ngộ, bèn hỏi khách tụng kinh gì. Khách bảo:

- Kinh Kim Cang.

Huệ Năng lại hỏi:

- Ở đâu đến thọ trì kinh này ?

Khách bảo:

- Tôi từ chùa Đông Thiên, huyện Huỳnh Mai, Kỳ Châu đến. Chùa ấy do Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn Đại sư làm chủ giáo hóa, đệ tử có hơn một ngàn người, tôi đến đó lễ bái, nghe nhận kinh này. Đại sư thường khuyên kẻ tăng người tục chỉ trì kinh Kim Cang liền được thấy tánh, thẳng đó thành Phật.

Huệ Năng, do đời trước có duyên, được một người khách cho Huệ Năng một số bạc là mười lượng để giúp nuôi dưỡng mẹ già và bảo đến Huỳnh Mai tham vấn Ngũ Tổ. Huệ Năng đưa tiền cho mẹ sinh sống, xong liền từ giã ra đi. Không hơn ba mươi ngày ngài đến Huỳnh Mai lễ bái Ngũ Tổ.

Tổ hỏi:

- Người từ phương nào đến, muốn cầu vật gì ?

Huệ Năng đáp:

- Đệ tử là dân Tân Châu thuộc Lĩnh Nam, từ xa đến lễ Thầy, chỉ cầu làm Phật, chớ không cầu gì khác !

Tổ bảo:

- Ông là người Lĩnh Nam, lại là người quê mùa, làm sao kham làm Phật ?

Huệ Năng liền đáp:

- Người tuy có Nam Bắc nhưng Phật tánh vốn không có Nam Bắc, thân quê mùa này cùng với Hòa thượng chẳng đồng, nhưng Phật tánh đâu có sai khác."

3- Cùng ngộ bằng kinh Kim Cang bởi câu "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm".

Sau khi tôi nêu lên những nét tương đồng, Uyên ngẫm nghĩ một chút rồi mới nói:

- Các vị đạt đạo, họ cùng có cái nhìn giống nhau anh nhỉ!

Tôi hỏi Uyên:

- Uyên có nhớ hôm chúng ta cùng đi nghe sư cụ làng mình giảng kinh không?

- Thưa anh, em nhớ!

- Uyên còn nhớ sư cụ giảng kinh Kim Cang. Hiểu được những gì, em nói cho anh nghe!

Uyên cười chữa thẹn:

- Hôm đó em bị phân tâm nên em không hiểu bài thuyết pháp ấy!

Uyên chép miệng:

- Mà có chú tâm nghe, chắc em cũng chẳng hiểu nổi!

Tôi vờ tăng hăng, lên giọng hỏi Thi:

- Thế còn cô này, có hiểu gì không?

Thi nhẹ phùng má nói “không!” một tiếng nhỏ rồi mới cười cười trả lời tôi:

- Không ạ! Hôm đó em ngồi ngủ gật! Mà em không ngủ gật chắc em cũng chẳng hiểu!

Thi nói với giọng thách thức:

- Anh hiểu thì bây giờ anh nói lại cho chúng em nghe đi!

Tôi giữ vẻ nghiêm trang, ngửa mặt nhìn lên trần nhà, đồng dặc tuyên bố:

- Anh cũng không hiểu!

Nói xong tôi vẫn nhìn lên trần nhà cười khà khà.

Cả hai cô cười rũ ra. Thi đưa tay cù vào nách tôi:

- Thế mà lên giọng ông thầy! Anh chỉ giỏi bắt nạt chúng em!

Tôi cười:

- Chúng ta đừng xấu hổ vì không hiểu nổi kinh Kim Cang. Cụ Nguyễn Du, trong một bài thơ, cụ tự thú đọc kinh này trên một nghìn lần mà vẫn không “ngộ” được. Chúng ta là "cái thá" gì mà đòi hiểu ngay. Đừng xấu hổ nữa! Kinh này đức Phật dùng để giảng dạy cho những vị hàng Bồ tát thôi mà.

Tôi xoay người về phía Thi:

- Thôi, để anh nói một chút về bộ kinh này, một chút thôi. Nếu không, em lại bảo là anh chỉ biết bắt nạt “trẻ con”.

Thi “véo” nhẹ vào đùi tôi:

- Đây “trẻ con” này! Đã không hiểu lại còn đòi nói. Em không nghe nữa đâu!

Uyên ngồi đối diện với Thi ở phía bên kia bàn, lườm cô em:

- Cái cô này! Để anh ấy nói ra những cái “không hiểu” đã nào!

Thi vênh mặt:

- Thế thì cho anh nói đây!

Tôi cố nhớ lại những điều các sư đã từng giảng kinh này trong những ngày đại lễ Phật. Cả cuốn kinh Kim Cang chỉ tóm tắt để trả lời hai câu hỏi của ngài Tu Bồ Đề (tên một đệ tử của Phật):

- 1) Làm sao để *hàng phục tâm*.
- 2) Làm sao để *an trụ tâm*.

Chỉ có hai điều đó thôi mà muốn hiểu được nó, thực hành được nó thật vô cùng khó khăn. Ngay đến cụ Nguyễn Du cũng phải tự nhận là đã tụng kinh này hơn một nghìn lần mà cụ vẫn chưa “ngộ” được cốt tủy của kinh Kim Cang. Kể sơ cơ như chúng ta chỉ cầu mong có ý niệm về kinh này thôi cũng đã thấy khó lắm rồi.

- *An trụ tâm là không để cho tâm chạy theo trần cảnh*. Tức là ta sống vẫn mắt thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, thân xúc chạm nhưng tâm không đắm nhiễm, mà chỉ *trụ tâm* vào chỗ không chấp, không vướng mắc, đó là giữ tâm thanh tịnh, tự tại trước sự tham ái, sợ hãi, khổ đau, sinh diệt, vô thường ... của cuộc đời.

- *Hàng phục được tâm phân biệt, vọng tưởng là ta đang an trụ tâm.*

Như vậy *hàng phục tâm cũng chính là an trụ tâm* vậy.

Vậy thì, đối với những kẻ “sơ cơ” như chúng ta, hãy tạm (theo Thích Nữ Chân Liễu):

- *Mắt: Không thấy vật chất là vĩnh cửu, là quý giá, cần nắm giữ cho riêng mình.*

- *Tai: Không nghe nhiều, không chấp vào tiếng khen chê, sanh tâm thương ghét phân biệt.*

- *Mũi: Không để cho mùi vị, hương lạ làm tâm tán loạn, sanh tâm mê đắm, thích hưởng thụ.*

- *Lưỡi: Không để cho cảm giác ngon dở, ưa thích sai khiến, tạo nghiệp chướng lành.*

- *Thân: Không hơn thua, đẹp xấu phô trương, sanh lòng khinh mạn đua đòi.*

- *Ý: Không để cho ý sanh vọng tưởng điên đảo, tâm thức tán loạn sẽ rơi vào tội lỗi.*

Tâm không trụ vào trần cảnh thì tâm sẽ trụ vào đâu? Trụ vào nơi *không hình tướng*, trụ vào nơi *vô niệm* (Sẽ giải thích sau trong phần tác phẩm “*Khóa Hư Lục*” của vua Trần Thái Tông). Nói cách khác là tâm sẽ trụ vào nơi “*vô trụ*” hay cũng còn có thể nói một cách khác nữa là trụ vào nơi “*vô dư niết bàn*”. “*Vô dư niết bàn*” là “*niết bàn*” hiện tại của người còn đang sống; “*hữu dư niết bàn*” là “*niết bàn*” của những người đã nhập tịch (chết).

Sau phần giải thích sơ lược vài điểm về kinh Kim Cang qua những mẩu truyện Thiền cho hai cô dễ hiểu, tôi nói thêm như một lời kết luận:

- “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” ấy cũng chính là cái thân tâm “*đối cảnh vô tâm*” trong bài kệ “*Cư Trần Lạc Đạo*” của vua Trần Nhân Tông. Ở trong trần mà không bị nhiễm bởi trần là cách sống đạt đạo, an nhiên tự tại của ngài. Vua Trần Nhân Tông là con vua Trần Thánh Tông và là *cháu nội* của vua Trần Thái Tông.

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc sang hê khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.*

Dịch :

*Ở đời vui đạo cứ tùy duyên
Hễ đối thì ăn mệt ngủ liền
Trong nhà sẵn ngọc tìm đâu nữa
Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền.*



Thi lại nghiêng nghiêng đầu hỏi tôi:

- Anh có hiểu những gì anh đang nói không?

Tôi mau mắn trả lời:

- Không!

Thì ôm cánh tay tôi, cười trêu:

- Hi! Hi! Hi! ... Thế mà em cứ tưởng anh hiểu!

Thì nép đầu vào vai tôi:

- Em ghét anh lắm!

Nghe thế, tôi véo nhẹ má Thì, nhái theo lời cụ Hồng nói với vợ trong tuyệt phẩm Số Đỏ của nhà văn Vũ Trọng Phụng:

- “*Biết rồi, khổ lắm, nói mãi !*”

Thì ngúng nguẩy:

- Em ghét anh!

Tôi cười lập lại:

- “*Biết rồi, khổ lắm, nói mãi !*”

Uyên cũng nhìn tôi, đùa nhái theo lời cụ Hồng hỏi lại bà vợ:

- “*Thế sao nữa, hả bà?*”

Chúng tôi cùng cười to. Thì không quên cắn nhẹ vào cánh tay tôi trước khi bỏ đi lấy thêm nước pha trà.

Tôi tủm tủm cười tự nghĩ cuộc nói chuyện của tôi với Uyên và Thì về Kinh Kim Cang chẳng khác nào như mẫu đối thoại vừa rồi của cụ Hồng với bà vợ trong truyện Số Đỏ.■



Hình minh họa